TÒA PHÚC THẨM TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO TẠI HÀ NỘI	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 163/2025/HC-PT
Ngày: 29/9/2025
V/v "Khiếu kiện quyết định hành chính, hành vi hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA PHÚC THẨM TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO TẠI HÀ NỘI

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Quang Dũng;
Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Xuân Điền;
Ông Ong Thân Thắng.

Thư ký phiên tòa: Ông Đỗ Ngọc Chuyền, Thư ký Tòa Phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Hà Nội.

Đại diện Viện Công tố và Kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Hà Nội tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Lý, Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Tòa Phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Hà Nội, mở phiên tòa xét xử phúc thẩm, công khai vụ án hành chính thụ lý số 376/2025/TLPT-HC ngày 09 tháng 6 năm 2025 do có kháng cáo của người khởi kiện đối với Bản án hành chính sơ thẩm số 284/2024/HC-ST ngày 20 tháng 11 năm 2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 3383/2025/QĐ-PT ngày 15 tháng 9 năm 2025 của Tòa Phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Hà Nội, giữa các đương sự:

**** Người khởi kiện:*** Ông Lê Chí T, sinh năm 1960; địa chỉ: Phường H, tỉnh Thanh Hóa; địa chỉ cũ: Số 191 Á, phường Đ, thành phố T, tỉnh Thanh Hóa; có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người khởi kiện: Luật sư Trần C - Công ty luật TNHH H, thuộc Đoàn luật sư thành phố Hà Nội; có mặt.

**** Người bị kiện:*** Ủy ban nhân dân thành phố T và Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố T, tỉnh Thanh Hóa.

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của người bị kiện: Ủy ban nhân dân phường H và Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường H, tỉnh Thanh Hóa; vắng mặt.

**** Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:***

- Ủy ban nhân dân phường Đ, thành phố T, tỉnh Thanh Hóa; Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng: Ủy ban nhân dân phường H, tỉnh Thanh Hóa; vắng mặt.

- Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1963; địa chỉ: Phường H, tỉnh Thanh Hóa; địa chỉ cũ: Số 191 Á, phường Đ, thành phố T, tỉnh Thanh Hóa; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện ngày 23/10/2023 và quá trình tố tụng tại Tòa án, người khởi kiện ông Lê Chí T trình bày:*

Gia đình ông bị thu hồi 266m^2 đất nông nghiệp tại thửa 83, tờ bản đồ số 02 bản đồ địa chính phường Đ năm 1994. Ngày 22/4/2008, UBND tỉnh Thanh Hóa ban hành Quyết định số 1048/QĐ-UBND về việc ban hành đơn giá bồi thường thiệt hại về tài sản trong giải phóng mặt bằng trên địa bàn thành phố Thanh Hóa. Ngày 10/11/2008, Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa tiếp tục ban hành Quyết định số 3574/2008/QĐ-UBND về việc quy định bổ sung một số nội dung về bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa. Theo quy định tại điểm 1.1 và 1.2.2 của Quyết định này, đối với thửa đất nông nghiệp không có nhà ở, ngoài việc bồi thường giá đất nông nghiệp cùng mục đích sử dụng theo quy định tại bảng giá các loại đất của UBND tỉnh ban hành hàng năm còn được hỗ trợ bằng 30% giá đất ở thấp nhất trên cùng địa bàn xã, phường, thị trấn có thửa đất bị thu hồi. Ngày 07/01/2009, Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa đã ban hành Quyết định số 46/QĐ-UBND về việc phê duyệt Dự án đầu tư xây dựng công trình Đại lộ Lê Lợi kéo dài đến đê Sông Mã. Ngày 20/4/2009, UBND tỉnh Thanh Hóa đã ban hành Quyết định số 1181/QĐ-UBND về việc thu hồi đất tại xã Đ để bồi thường giải phóng mặt bằng thực hiện Dự án. Trong diện tích đất bị thu hồi có 266m^2 của gia đình ông T.

Tuy nhiên, khi thực hiện Quyết định bồi thường, UBND thành phố Thanh Hóa không căn cứ vào Quyết định số 3574 nên không hỗ trợ bằng 30% tiền giá đất ở thấp nhất trên cùng địa bàn đối với đất bị thu hồi của gia đình ông. Cụ thể được thể hiện tại Quyết định phê duyệt Dự toán bồi thường, hỗ trợ số 3170/QĐ-UBND ngày 08/9/2009.

Sau khi ông T phát hiện và phản ánh sự việc, thay vì áp dụng Quyết định số 3574 để hỗ trợ cho các hộ gia đình có đất bị thu hồi, UBND thành phố Thanh Hóa áp dụng Quyết định số 3788/QĐ-UBND ngày 23/10/2009 của UBND tỉnh Thanh Hóa quy định về chính sách hỗ trợ tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa để bồi thường cho một số hộ gia đình mức cao hơn theo quy định của pháp luật, có dấu hiệu phạm tội.

Ngoài ra, trong quá trình thực hiện thu hồi đất và bồi thường, UBND tỉnh Thanh Hóa vi phạm nghiêm trọng các trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật, ảnh hưởng tới quyền, lợi ích hợp pháp của ông T.

Do đó, ngày 19/6/2023, ông Thành đã có đơn tố cáo đến UBND tỉnh Thanh Hóa về các hành vi có dấu hiệu vi phạm pháp luật kể trên nhằm bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của ông và các hộ gia đình khác. Tuy nhiên, ông không biết vì lý do gì mà UBND thành phố T lại ban hành Quyết định số 4898 để giải quyết tố cáo có dấu hiệu vi phạm pháp luật nghiêm trọng, ảnh hưởng đến quyền và lợi ích của ông.

Ngày 20/4/2009, UBND tỉnh Thanh Hóa mới có Quyết định bồi thường, thời điểm này Quyết định số 3574 đang có hiệu lực pháp luật (Quyết định này có hiệu lực từ ngày 21/11/2008 theo quy định tại Điều 3 Quyết định này) và phải được áp dụng. Thửa đất của ông T thuộc phạm vi được áp dụng theo Quyết định số 3574 nhưng UBND thành phố T không áp dụng.

Vì vậy, ông cho rằng việc không áp dụng Quyết định số 3574 để hỗ trợ giá đất nông nghiệp không có nhà ở cho gia đình ông là không đúng quy định của pháp luật, ảnh hưởng tới quyền và lợi ích hợp pháp của ông.

Ngày 08/9/2009, UBND thành phố T ban hành Quyết định số 3170 về việc phê duyệt Dự toán bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất, nhưng UBND thành phố T không cung cấp; đến ngày 06/12/2023, ông mới được UBND thành phố T cung cấp Quyết định số 3170.

Để đảm bảo quyền lợi của mình, ông T gửi Đơn khởi kiện đến Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa giải quyết những vấn đề sau:

- Hủy Quyết định số 4898/UBND-TTr ngày 07/8/2023 của UBND thành phố T về việc trả lời nội dung đơn của công dân phường Đ.

- Hủy Quyết định số 3170/QĐ-UBND ngày 08/9/2009 của Chủ tịch UBND thành phố T về việc phê duyệt Dự toán bồi thường, hỗ trợ cho gia đình ông T.

- Buộc UBND thành phố T hỗ trợ cho gia đình ông T theo Quyết định số 3574/2008/QĐ-UBND ngày 10/11/2008 của UBND tỉnh Thanh Hóa.

** Tại Văn bản số 5048/UBND-TNMT ngày 03/8/2024, Ủy ban nhân dân thành phố T có quan điểm đối với nội dung khởi kiện của ông Lê Chí T như sau:*

Dự án Đại lộ Lê Lợi kéo dài đến đê sông Mã được Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa phê duyệt Dự án đầu tư xây dựng công trình tại Quyết định số 46/QĐ-UBND ngày 07/01/2009.

Ngày 20/9/2009, Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa đã ban hành Quyết định số 1181/QĐ-UBND về việc thu hồi đất tại xã Đông Hải để bồi thường, GPMB phục vụ

dự án Đại lộ Lê Lợi kéo dài đến đê sông Mã, trong đó: Thu hồi 266m^2 đất nông nghiệp của ông Lê Chí T, xã Đ (nay là phường Đ), thành phố T.

Ngày 08/9/2009, UBND thành phố T đã ban hành Quyết định số 3170/QĐ-UBND phê duyệt dự toán kinh phí bồi thường, hỗ trợ và tái định cư dự án Đại lộ Lê Lợi kéo dài đến đê sông Mã, thành phố Thanh Hóa, theo đó: Hộ ông Lê Chí T có đất nông nghiệp bị thu hồi được phê duyệt, bồi thường, hỗ trợ bằng tiền với tổng kinh phí bồi thường, hỗ trợ là 25.675.122 đồng; trong đó:

- Bồi thường về đất là 15.960.000 đồng;

- Bồi thường cây cối, hoa mầu: 988.722 đồng;

- Hỗ trợ ổn định đời sống và sản xuất: 7.290.000 đồng;

- Hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp và tạo việc làm: 1.436.400 đồng.

Mức hỗ trợ được áp dụng theo quy định tại tiết 4.2.1; điểm 4.3 khoản 4 Mục IV, phần I đơn giá bồi thường thiệt hại về tài sản trong giải phóng mặt bằng trên địa bản tỉnh Thanh Hóa ban hành kèm theo Quyết định số 1048/2008/QĐ-UBND ngày 24/4/2008 của UBND tỉnh Thanh Hóa, cụ thể:

"*Hỗ trợ ổn định đời sống và ổn định sản xuất: Khi bị thu hồi trên 30% diện tích đất nông nghiệp được giao, được hỗ trợ ổn định đời sống trong thời gian 3 tháng nếu không phải di chuyển chỗ ở và trong thời gian 06 tháng nếu phải di chuyển chỗ ở...*

Mức hỗ trợ là 270.000 đồng/1 khẩu/1 tháng (theo sổ hộ khẩu).

Hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp và tạo việc làm:.. mức hỗ trợ là 5.400 đồng/m^2 đất nông nghiệp bị thu hồi với những hộ trên 30% đến dưới 50% đất nông nghiệp; những hộ bị thu hồi ≥ 50% đất nông nghiệp thì mức hỗ trợ là 8.100 đồng/m^2 đất nông nghiệp bị thu hồi và hộ bị thu hồi 100% đất thì mức hỗ trợ là 10.800 đồng/m^2 đất nông nghiệp bị thu hồi".

Ngày 15/9/2009, ông Lê Chí T đã ký biên bản, nhận tiền bồi thường, hỗ trợ và bàn giao mặt bằng cho Nhà nước để thực hiện dự án.

Như vậy, việc UBND thành phố T phê duyệt mức hỗ trợ cho hộ ông Lê Chí T theo Quyết định số 1048/2008/QĐ-UBND ngày 22/4/2008 của UBND tỉnh là đảm bảo thủ tục đúng quy định của pháp luật.

Từ năm 2021 đến năm 2022, ông Lê Chí T liên tục có đơn gửi đến UBND thành phố T yêu cầu giải quyết hỗ trợ đối với diện tích đất nông nghiệp bị thu hồi, mức hỗ trợ bằng 30% giá đất ở thấp nhất trên cùng địa bàn xã, phường, thị trấn có thửa đất bị thu hồi theo Quyết định số 3574/2008/QĐ-UBND ngày 10/11/2008 của

UBND tỉnh Thanh Hóa.

Căn cứ quy định Điều 9 Luật Khiếu nại năm 2011: "*Thời hiệu khiếu nại là 90 ngày kể từ ngày nhận được Quyết định hành chính hoặc biết được Quyết định hành chính, hành vi hành chính*", việc khiếu nại của ông Lê Chí T không còn thời hiệu để xem xét giải quyết.

Mặt khác, theo điểm 1.1 khoản 1 Điều 1 Quyết định số 3574/QĐ-UBND ngày 10/11/2008 của UBND tỉnh Thanh Hóa, quy định về điều kiện được hỗ trợ đối với đất nông nghiệp của hộ gia đình, cá nhân, như sau:

"*1.1. Phạm vi hỗ trợ*

1.1.1. Đất nông nghiệp; đất vườn, ao cùng thửa đất có nhà ở nhưng không được công nhận là đất ở thuộc phạm vi các khu vực:

a, Trong phạm vi địa giới hành chính phường.

b, Trong phạm vi khu dân cư thuộc thị trấn, khu dân cư nông thôn mà ranh giới khu dân cư đã được thể hiện trên bản đồ quy hoạch khu dân cư nông thôn hoặc đã được thể hiện trên bản đồ quy hoạch sử dụng đất chi tiết của xã, thị trấn được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt; trường hợp khu dân cư thuộc thị trấn, khu dân cư nông thôn mà chưa có quy hoạch khu dân cư, quy hoạch sử dụng đất chi tiết của xã, thị trấn được xét duyệt thì xác định theo ranh giới của thửa đất có nhà ở ngoài cùng của khu dân cư".

Vị trí đất nông nghiệp của ông T bị thu hồi không nằm trong khu dân cư, có các mặt tiếp giáp là đất nông nghiệp, không có mặt tiếp giáp khu dân cư và được quy hoạch là đường giao thông. Thời điểm phê duyệt bồi thường, hỗ trợ (năm 2009) thì đang là xã Đ (ngày 19/8/2013 mới được công nhận là phường Đ).

Như vậy, tại thời điểm thu hồi đất, phê duyệt bồi thường, hỗ trợ cho gia đình ông Lê Chí T thì vị trí đất thu hồi của hộ ông T không thuộc phạm vi hỗ trợ theo điểm 1.1 khoản 1 Điều 1 Quyết định số 3574/QĐ-UBND ngày 10/11/2008 của UBND tỉnh Thanh Hóa. Việc ông T yêu cầu hỗ trợ bằng 30% giá trị đất ở thấp nhất trên cùng địa bàn xã, phường có thửa đất bị thu hồi là không có cơ sở.

Việc ông Lê Chí T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết hủy các Văn bản của Ủy ban nhân dân thành phố T: Công văn số 4898/UBND-Ttr ngày 07/8/2023; Quyết định số 3170/QĐ-UBND ngày 08/9/2009 và buộc UBND thành phố T hỗ trợ cho gia đình ông theo Quyết định số 3574/QĐ-UBND ngày 10/11/2008 của UBND tỉnh Thanh Hóa là không có cơ sở. Đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 284/2024/HC-ST ngày 20 tháng 11 năm 2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa đã quyết định:

Căn cứ: Khoản 1 Điều 30; khoản 3, khoản 4 Điều 32; điểm a khoản 3 Điều 116; điểm b khoản 2 Điều 157; khoản 1 Điều 158; điểm a khoản 2 Điều 193; Điều 204; khoản 1 Điều 206 Luật Tố tụng hành chính; Điều 80 Luật Đất đai năm 2013; điểm đ khoản 1 Điều 12; khoản 1 Điều 32 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; xử:

Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Lê Chí T, về việc:

- Hủy Quyết định số 4898/UBND-TTr ngày 07/8/2023 của UBND thành phố T về việc trả lời nội dung đơn của công dân phường Đ;

- Hủy Quyết định số 3170/QĐ-UBND ngày 08/9/2009 của Chủ tịch UBND thành phố T về việc phê duyệt Dự toán bồi thường, hỗ trợ cho gia đình ông T;

- Buộc UBND thành phố T hỗ trợ cho gia đình ông Thành theo Quyết định số 3574/2008/QĐ-UBND ngày 10/11/2008 của UBND tỉnh Thanh Hóa.

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí sơ thẩm và thông báo quyền kháng cáo của các bên đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 25/11/2024, ông Lê Chí T là người khởi kiện kháng cáo đề nghị sửa bản án sơ thẩm, chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện.

Tại phiên tòa phúc thẩm, ông Lê Chí T là người khởi kiện không rút đơn khởi kiện, không rút kháng cáo, vắng mặt người bị kiện, các bên đương sự không thống nhất được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Sau khi người khởi kiện, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện trình bày kháng cáo, căn cứ kháng cáo, ý kiến tranh tụng đã đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của người khởi kiện, sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện.

* Đại diện Viện Công tố và Kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Hà Nội phát biểu quan điểm:

- *Về tố tụng:* Hoạt động tiến hành tố tụng của Tòa Phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Hà Nội cũng như của Hội đồng xét xử phúc thẩm (viết tắt: HĐXXPT), Thư ký đúng quy định của pháp luật; người tham gia tố tụng đã được thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của Luật Tố tụng hành chính. Đơn kháng cáo của người khởi kiện làm trong hạn luật định là hợp lệ nên đủ điều kiện xem xét giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

- *Về nội dung:* Đề nghị HĐXXPT áp dụng khoản 1 Điều 241 của Luật Tố tụng hành chính; không chấp nhận kháng cáo của người khởi kiện và giữ nguyên quyết định của Bản án hành chính sơ thẩm số 284/2024/HC-ST ngày 20 tháng 11 năm

2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án; nghe đương sự trình bày, tranh luận; nghe đại diện Viện Công tố và Kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Hà Nội phát biểu quan điểm giải quyết vụ án tại phiên tòa, các quy định của pháp luật, HĐXXPT nhận định như sau:

[1] Ngày 25/11/2024, người khởi kiện nộp đơn kháng cáo đối với bản án sơ thẩm, thực hiện trong thời hạn luật định được Tòa án chấp nhận xem xét giải quyết vụ án theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Tại phiên tòa phúc thẩm, vắng mặt người bị kiện và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan nhưng phiên tòa được mở lần hai nên HĐXXPT quyết định tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự nêu trên theo đúng quy định tại Điều 225 của Luật Tố tụng hành chính.

[3] Về thời hiệu, thẩm quyền giải quyết và đối tượng khởi kiện: Văn bản số 4898/UBND-TTr ngày 07/8/2023 của UBND thành phố T về việc trả lời nội dung đơn của công dân phường Đ (trong đó có hộ ông Lê Chí T); Quyết định số 3170/QĐ-UBND ngày 08/9/2009 của Chủ tịch UBND thành phố T về việc phê duyệt Dự toán bồi thường, hỗ trợ cho gia đình ông Lê Chí T là Quyết định hành chính của những người có thẩm quyền về quản lý đất đai, ảnh hưởng đến quyền lợi của hộ gia đình ông Lê Chí T; Ông T nộp đơn khởi kiện trong thời hạn 01 năm kể từ ngày nhận, biết được Quyết định nên được Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền, trong thời hiệu, theo quy định tại khoản 3, khoản 4 Điều 32 và điểm a khoản 3 Điều 116 của Luật Tố tụng hành chính.

[4] Xét kháng cáo của người khởi kiện:

[4.1] Dự án Đại lộ Lê Lợi kéo dài đến đê sông Mã được Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa phê duyệt Dự án đầu tư xây dựng công trình tại Quyết định số 46/QĐ-UBND ngày 07/01/2009;

Ngày 20/9/2009, Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa đã ban hành Quyết định số 1181/QĐ-UBND về việc thu hồi đất tại xã Đ để bồi thường, GPMB phục vụ Dự án Đại lộ Lê Lợi kéo dài đến đê sông Mã, trong đó: Thu hồi 266m^2 đất nông nghiệp của ông Lê Chí T, xã Đ (nay là phường Đ), thành phố T.

Ngày 08/9/2009, UBND thành phố T đã ban hành Quyết định số 3170/QĐ-UBND, phê duyệt Dự toán kinh phí bồi thường, hỗ trợ và tái định cư Dự án Đại lộ Lê Lợi kéo dài đến đê sông Mã, thành phố Thanh Hóa. Theo đó, hộ ông Lê Chí T có

đất nông nghiệp bị thu hồi được phê duyệt, bồi thường, hỗ trợ bằng tiền với tổng kinh phí bồi thường, hỗ trợ là 25.675.112đ (trong đó: Bồi thường về đất: 15.000.000đ; Bồi thường cây cối hoa màu: 988.722đ; Hỗ trợ ổn định đời sống sản xuất: 7.290.000đ; Hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp và tạo việc làm: 1.436.400đ);

Mức hỗ trợ được áp dụng theo quy định tại tiết 4.2.1; điểm 4.3 khoản 4 Mục IV Phần I đơn giá bồi thường thiệt hại về tài sản trong giải phóng mặt bằng trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa ban hành kèm theo Quyết định số 1048/2008/QĐ-UBND ngày 22/4/2008 của UBND tỉnh Thanh Hóa.

Ngày 15/9/2009, ông Lê Chí T đã ký Biên bản, nhận tiền bồi thường, hỗ trợ và bàn giao mặt bằng cho Nhà nước thực hiện Dự án.

Như vậy, việc UBND thành phố T phê duyệt mức hỗ trợ cho hộ ông Lê Chí T theo Quyết định số 1048/QĐ-UBND ngày 22/4/2008 của UBND tỉnh Thanh Hóa là đảm bảo thủ tục, đúng quy định của pháp luật.

[4.2] Từ năm 2021 đến năm 2022, ông Lê Chí T liên tục gửi đơn đến UBND thành phố T yêu cầu giải quyết hỗ trợ đối với diện tích đất nông nghiệp bị thu hồi, mức hỗ trợ bằng 30% giá đất ở thấp nhất trên cùng địa bàn xã, phường, thị trấn có thửa đất bị thu hồi theo Quyết định số 3574/2008/QĐ-UBND ngày 10/11/2008 của UBND tỉnh Thanh Hóa.

Ngày 08/9/2009, Ủy ban nhân dân thành phố T ban hành Quyết định số 3170/QĐ-UBND về việc phê duyệt Dự toán bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất nhưng đến ngày 06/12/2023, ông T mới được UBND thành phố T giao Quyết định số 3170/QĐ-UBND nên việc khiếu nại của ông Lê Chí T vẫn còn thời hiệu để xem xét giải quyết.

[4.3] Đối chiếu với quy định tại điểm 1.1 khoản 1 Điều 1 của Quyết định số 3574/QĐ-UBND ngày 10/11/2008 của UBND tỉnh Thanh Hóa, quy định về điều kiện được hỗ trợ đối với đất nông nghiệp của hộ gia đình thì thấy: Vị trí đất nông nghiệp của ông T bị thu hồi không nằm trong khu dân cư, có các mặt tiếp giáp là đất nông nghiệp, không có mặt tiếp giáp khu dân cư và được quy hoạch là đường giao thông. Thời điểm phê duyệt bồi thường, hỗ trợ (năm 2009) thì đang là xã Đ (ngày 19/8/2013 mới được công nhận là phường Đ, sau thời điểm phê duyệt bồi thường, hỗ trợ cho hộ ông T). Do vậy, tại thời điểm thu hồi đất, phê duyệt bồi thường, hỗ trợ cho gia đình ông Lê Chí T thì vị trí đất thu hồi của hộ ông T không thuộc phạm vi hỗ trợ. Việc ông T yêu cầu hỗ trợ bằng 30% giá trị đất ở thấp nhất trên cùng địa bàn xã, phường có thửa đất bị thu hồi là không có cơ sở.

Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lê Chí

T về việc hủy Công văn số 4898/UBND-TTr ngày 07/8/2023, Quyết định số 3170/QĐ-UBND ngày 08/9/2009 và buộc UBND thành phố T hỗ trợ cho gia đình ông theo Quyết định số 3574/QĐ-UBND ngày 10/11/2008 của UBND tỉnh Thanh Hóa là có căn cứ, đúng pháp luật.

[5] Từ các phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử xét thấy: Tòa án cấp sơ thẩm đã thụ lý giải quyết vụ án hành chính theo đơn khởi kiện của ông Lê Chí T là đúng thẩm quyền, đã tiến hành thu thập chứng cứ đúng quy định của Luật Tố tụng hành chính, không vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng, đã xem xét, đánh giá toàn diện yêu cầu khởi kiện và không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện là có căn cứ, đúng pháp luật. Do vậy, Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của người khởi kiện và giữ nguyên bản án sơ thẩm như đề nghị của đại diện Viện Công tố và Kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Hà Nội tại phiên tòa là phù hợp các quy định của pháp luật.

[6] Về án phí phúc thẩm: Yêu cầu kháng cáo của người khởi kiện ông Lê Chí T không được chấp nhận nhưng ông T là người cao tuổi nên được miễn án phí hành chính phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

[7] Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên, căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật Tố tụng hành chính năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Bác kháng cáo của người khởi kiện là ông Lê Chí T; giữ nguyên quyết định của Bản án hành chính sơ thẩm số 284/2024/HC-ST ngày 20 tháng 11 năm 2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa.

2. Về án phí hành chính phúc thẩm: Miễn toàn bộ án phí hành chính phúc thẩm cho ông Lê Chí T.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Viện Công tố và KSXXPT tại Hà Nội;
- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- THADS tỉnh Thanh Hóa;
- Các đương sự (theo địa chỉ);

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

- Lưu HSVA, Phòng HCTP.

Ngô Quang Dũng